

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-ST

Ngày: 23-02-2021

V/v: “*Tranh chấp  
hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Loan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Bình
2. Ông Hoàng Minh Tân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Quỳnh Nương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/QĐST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần N

Địa chỉ trụ sở: Số 198 đường T, phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T, Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Dung Quất.

Địa chỉ: Khu công nghiệp Đ, Khu kinh tế D, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Cao T, chức vụ: Phó phụ trách phòng giao dịch Quang Trung - Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Dung Quất theo giấy ủy quyền số 1283/UQ-DQU-HCSN ngày 08/10/2020. Ông T có mặt.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Tấn N, sinh năm: 1977 và bà Trần Thị Thanh T, sinh năm: 1982; cùng địa chỉ: thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Ông N có đơn xin vắng mặt, bà T Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1957; địa chỉ: thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, bà T có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 05-8-2020 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (sau đây gọi là Ngân hàng) trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký kết 03 Hợp đồng tín dụng, cụ thể:*

- Hợp đồng tín dụng số: 917/2016/DQ.QT ngày 25-8-2016, số tiền vay 1.200.000.000 đồng, mục đích đóng mới 01 tàu cá; thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay trung hạn đối với cá nhân, hộ gia đình vay vốn phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn có tài sản bảo đảm và điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất áp dụng cho kỳ hạn 3 tháng đầu tiên của khoản vay là lãi suất ghi trên giấy nhận nợ do bên cho vay thông báo tại thời điểm bên vay rút vốn lần đầu tiên, Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn, nhận nợ ngày 25-8-2016.

- Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số: 83/2019/DQ.QT ký ngày 23 tháng 01 năm 2019, số tiền vay: 400.000.000 đồng, thời hạn cho vay: 11 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu, mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán lưới, gia công lưới phục vụ đánh bắt hải sản; phương thức trả nợ: Bên vay trả nợ gốc cuối kỳ, lãi trả hàng tháng, lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn đối với cá nhân vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh có tài sản bảo đảm. Lãi suất cho vay được xác định theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại ngày giải ngân vốn vay lần đầu, được ghi trên giấy nhận nợ và có định trong thời hạn cho vay, Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn, ngày nhận nợ: 24/01/2019.

- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 588/2017/DQ.QT ký ngày **03 tháng 07 năm 2017**, số tiền cho vay: 180.000.000 đồng, thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn vay lần đầu tiên, mục đích vay vốn: Mua sắm đồ dùng gia đình; phương thức trả nợ: Gốc, lãi trả hàng tháng; lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất cho vay trung hạn đối với cá nhân vay vốn phục vụ đời sống có tài sản bảo đảm và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần trong thời hạn cho vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng niêm yết tại Ngân hàng. Lãi suất cho vay kỳ hạn 3 tháng đầu tiên là lãi suất tại thời điểm giải ngân vốn vay lần đầu và được ghi trên giấy nhận nợ, Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn, ngày nhận nợ: 03/07/2017.

*Tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay:*

Tài sản 1: Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 329/2016/HĐTC.DQ.QT ngày 16/06/2016; Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 03-7-2017; giấy cam kết ngày 16-6-2016 được ký giữa nguyên đơn và bị đơn; gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 38, tờ bản đồ số 3 tại xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (sau đây viết là thửa đất số 38) đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02-6-2016 cho ông Huỳnh Tấn Ninh và bà Trần Thị Thanh Thoại.

Tài sản 2: Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 433/2016/HĐTC.DQ.QT ngày 25-8-2016; Phụ lục số 01 ngày 07-3-2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02 ngày 13-02-2018 được ký giữa nguyên đơn đơn và bị đơn, gồm: Tàu cá mang số hiệu QNg-97212-TS do ông Huỳnh Tấn N đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến thời điểm trả nợ gốc, lãi vay, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc cũng như tạo điều kiện cho bị đơn trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả nợ tính đến hết ngày 22-02-2021 tổng số tiền 1.149.011.940 đồng; trong đó: nợ gốc: 965.244.788 đồng; nợ lãi trong hạn: 143.589.397 đồng; nợ lãi quá hạn: 40.177.755 đồng.

Kể từ ngày 23-2-2021, nguyên đơn yêu cầu bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng.

Trong trường hợp ông Huỳnh Tấn N và bà Trần Thị Thanh T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để Ngân hàng thu hồi nợ vay.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bị đơn phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu còn thừa thì nguyên đơn sẽ trả lại cho bên bị đơn, nếu không có thỏa thuận khác.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Huỳnh Tấn N trình bày:*

Vợ chồng ông có vay Ngân hàng số tiền gốc, lãi như Ngân hàng trình bày. Tài sản thế chấp Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 38 do ông Huỳnh Tấn N và bà Trần Thị Thanh T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2016 và tàu cá mang số hiệu QNg-97212-TS do ông Huỳnh Tấn N đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký tàu cá. Trong quá trình làm ăn, đi biển đánh bắt, khai thác không có cá nên không có tiền trả nợ cho Ngân hàng, nên ông xin Ngân hàng giãn nợ. Trong trường hợp không trả được nợ thì ông Huỳnh Tấn N giao tài sản thế chấp để Ngân hàng xử lý thu hồi nợ. Ông Huỳnh Tấn N đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt vì ông bận công việc gia đình và đi biển.

- *Bị đơn bà Trần Thị Thanh T* không có văn bản trình bày và vắng mặt 02 lần tại phiên tòa. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng có liên quan theo quy định của pháp luật để bà Thoại biết nhưng bà Thoại không có văn bản phản hồi ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng và thủ tục tố tụng của Tòa án.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 trình bày:* Bà là mẹ đẻ của ông Huỳnh Tấn N, hiện nay bà T1 đang sống trên thửa đất số 38. Hiện nay, ông Huỳnh Tấn N làm ăn, đánh bắt hải sản gặp nhiều khó khăn do tài nguyên biển ngày càng cạn kiệt, bản thân ông Ninh rất lo lắng khoản nợ của Ngân hàng, đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện, giãn nợ để ông N trả nợ dần. Trong trường hợp

ông N, bà T không trả được nợ thì bà T1 đồng ý giao nhà, đất nêu trên để Ngân hàng xử lý thu hồi nợ.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn bà Trần Thị Thanh Thoại không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền gốc, lãi như nguyên đơn yêu cầu. Trường hợp bị đơn không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần N khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Tấn N, bà Trần Thị Thanh T thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã được hai bên ký kết. Địa chỉ nơi cư trú hiện nay của bị đơn ở Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý giải quyết vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về xét xử vắng mặt: Bị đơn ông Huỳnh Tấn N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Trần Thị Thanh T Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bà T không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến, bà T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bà T.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký kết 03 Hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số: 917/2016/DQ.QT ngày 25-8-2016, số tiền vay 1.200.000.000 đồng, mục đích đóng mới 01 tàu cá; thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất cho vay 10,1%/năm, lãi quá hạn 15,15%/năm.

- Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số: 83/2019/DQ.QT ký ngày 23-01-2019, số tiền vay: 400.000.000 đồng, thời hạn cho vay: 11 tháng; mục đích vay

vốn: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán lưới, gia công lưới phục vụ đánh bắt hải sản, lãi suất trong hạn 10,6%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 588/2017/DQ.QT ký ngày 03-07-2017, số tiền cho vay: 180.000.000 đồng, thời hạn cho vay: 60 tháng, mục đích vay vốn: Mua sắm đồ dùng gia đình; lãi suất trong hạn 11,1%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn và bị đơn đã nhận đủ tiền của số tiền vay theo các Hợp đồng tín dụng. Bị đơn đã trả được cho nguyên đơn tiền gốc 814.755.212 đồng; tiền lãi 352.093.646 đồng. Trong thời gian vay, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, lãi hàng tháng cho nguyên đơn, nhiều lần nguyên đơn nhắc nhở, đôn đốc nhưng bị đơn vẫn không trả nợ đúng hạn cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Tấn N, bà Trần Thị Thanh T phải trả tổng số tiền tính đến hết ngày 22-02-2021 là 1.149.011.940 đồng; trong đó: nợ gốc: 965.244.788 đồng; nợ lãi: 143.589.397 đồng; nợ lãi quá hạn: 40.177.755 đồng, là có căn cứ, phù hợp với những nội dung các bên đã cam kết trong các hợp đồng tín dụng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp và phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Xét tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay:*

Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm; gồm:

Tài sản 1: Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 329/2016/HĐTC.DQ.QT ngày 16/06/2016; Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 03-7-2017; giấy cam kết ngày 16-6-2016 được ký giữa Ngân hàng với ông Huỳnh Tấn N cùng bà Trần Thị Thanh T; gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 38, tờ bản đồ số 3 tại xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02-6-2016 cho ông Huỳnh Tấn N và bà Trần Thị Thanh T.

Tài sản 2: Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 433/2016/HĐTC.DQ.QT ngày 25-8-2016; Phụ lục số 01 ngày 07-3-2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02 ngày 13-02-2018 được ký giữa Ngân hàng với ông Huỳnh Tấn N cùng bà Trần Thị Thanh T, gồm: Tàu cá mang số hiệu QNg-97212-TS do ông Huỳnh Tấn N đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Để đảm bảo khoản vay, bị đơn đã thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 38, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 329/2016/HĐTC.DQ.QT ngày 16/06/2016, Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 03-7-2017. Việc thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên đã được Văn phòng Công chứng Sơn Tịnh công chứng ngày 16-6-2016, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh thành phố Quảng Ngãi ngày 16-6-2016 và bị đơn đã thế chấp tàu cá mang số hiệu QNg-97212-TS, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 433/2016/HĐTC.DQ.QT ngày 25-8-2016, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm

tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 26-8-2016 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 07-3-2017; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02 ngày 13-02-2018. Do đó, các hợp đồng thế chấp nêu trên giữa nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh hiệu lực.

[4]. Về xử lý tài sản thế chấp:

Tại Điều 4 Phần I, các điều khoản chung của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 329/2016/HĐTC.DQ.QT ngày 16/06/2016 có ghi: *“Ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm khi xảy ra ít nhất một sự kiện vi phạm và/hoặc theo quy định của pháp luật (bao gồm nhưng không giới hạn ở trường hợp tài sản bảo đảm phải được xử lý để bên bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác) và/hoặc quy định tại hợp đồng”*. Tại Điều 7 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 433/2016/HĐTC.DQ.QT ngày 25-8-2016 có ghi các trường hợp xử lý tài sản thế chấp: *“Khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ bảo đảm mà bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đủ hoặc vi phạm nghĩa vụ quy định tại hợp đồng....”*. Việc thỏa thuận của các bên như trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 38 và thửa cá mang số hiệu QNg-97212-TS là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trường hợp tài sản bảo đảm tiền vay sau khi xử lý nếu không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bị đơn sẽ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Nếu còn thừa thì nguyên đơn sẽ trả lại cho bên bị đơn, nếu không có thỏa thuận khác.

- Đối với tài sản gắn liền với thửa đất số 38 là 01 ngôi nhà cấp 4 (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ) có kết cấu, móng đất chẻ, tường xây gạch, nền lát gạch... do ngôi nhà chưa có sổ hữu nên giữa Ngân hàng và ông N, bà T đã thỏa thuận ký giấy cam kết ngày 16-6-2016 tài sản có trên đất cũng là tài sản thế chấp. Do đó, khi xử lý tài sản thế chấp của bị đơn thì tài sản được xử lý bao gồm toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng: Bị đơn phải chịu nhưng nguyên đơn đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong, bị đơn phải trả lại 2.000.000 đồng cho nguyên đơn.

[7] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền mà bị đơn phải trả cho Ngân hàng là: 46.470.358 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 157, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 299, 317, 318, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

2. Buộc ông Huỳnh Tấn N, bà Trần Thị Thanh T phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N tổng số tiền tính đến hết ngày 22 tháng 02 năm 2021 là 1.149.011.940 đồng (một tỷ, một trăm bốn mươi chín triệu, không trăm mười một nghìn, chín trăm bốn mươi đồng); trong đó: Nợ gốc: 965.244.788 đồng; nợ lãi trong hạn: 143.589.397 đồng; nợ lãi quá hạn: 40.177.755 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 917/2016/DQ.QT ngày 25-8-2016; Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số: 83/2019/DQ.QT ngày 23-01-2019; Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 588/2017/DQ.QT ngày 03-7-2017 được ký kết giữa Ngân hàng và ông Huỳnh Tấn N, bà Trần Thị Thanh T.

3. Kể từ ngày 23-02-2021, ông Huỳnh Tấn N, bà Trần Thị Thanh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong theo Hợp đồng tín dụng số: 917/2016/DQ.QT ngày 25-8-2016; Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số: 83/2019/DQ.QT ngày 23-01-2019; Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 588/2017/DQ.QT ngày 03-7-2017 hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

4. Trường hợp ông Huỳnh Tấn N, bà Trần Thị Thanh T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 329/2016/HĐTC.DQ.QT ngày 16/06/2016; Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 03-7-2017; giấy cam kết ngày 16-6-2016 và Hợp đồng thế chấp tài sản số: 433/2016/HĐTC.DQ.QT ngày 25-8-2016, Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 07-3-2017; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02 ngày 13-02-2018; gồm:

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 3; địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã N, thành phố Q do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 02-6-2016 cho ông Huỳnh Tấn N và bà Trần Thị Thanh T.

Tài sản 2: Tàu cá mang số hiệu QNg-97212-TS do ông Huỳnh Tấn N đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Huỳnh Tấn N và bà Trần Thị Thanh T phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu còn thừa thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N phải trả lại cho bên thế chấp, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng: Bị đơn phải chịu nhưng nguyên đơn đã nộp tạm ứng và chi phí xong, bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn 2.000.000 đồng.

6. Về án phí:

6.1. Ông Huỳnh Tấn N và bà Trần Thị Thanh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 46.470.000 đồng (bốn mươi sáu triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)

6.2. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền tạm ứng án phí 21.078.000 đồng (hai mươi một triệu, không trăm bảy mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2018/0005271 ngày 06-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Kim Loan**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bình Hoàng Minh  
Tân**

**Lê Thị Kim Loan**



**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Phong**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

